TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 9 – 2024
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị Hồng Th , sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 8/108 ấp B , xã V, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

* *Bị đơn:* Anh Trần Sơn H , sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp P , xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2024 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Sơn Thị Hồng Th trình bày:

Chị Sơn Thị Hồng Th và anh Trần Sơn H kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V , thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2011. Trong thời gian kết hôn, vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Thị Thùy Tr nữ) sinh ngày 23/01/2006, Trần Thị Thùy Tr1 (nữ) sinh ngày 15/7/2011 và Trần Sơn Kh (nam) sinh ngày 24/12/2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, hiện nay tình cảm không còn.

Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Sơn Thị Hồng Th yêu cầu được ly hôn với anh Trần Sơn H.

- Về con chung: Sơn Thị Hồng Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Trần Thị Thùy Tr1 (nữ) sinh ngày 15/7/2011 và cháu Trần Sơn Kh (nam) sinh ngày 24/12/2014 cho đến khi cháu Tr1 và cháu Kh thành niên, lao động được.

Riêng cháu Trần Thị Thùy Tra (nữ) sinh ngày 23/01/2006 đã thành niên, lao động được tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sơn Thị Hồng Th yêu cầu anh Trần Sơn H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng cho đến khi cháu Tr1 và cháu Kh đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị Th giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị Sơn Thị Hồng Th và anh Trần Sơn H ; bản sao căn cước công dân của chị Sơn Thị Hồng Th ; bản sao Giấy khai sinh của cháu Trần Thị Thùy Tr , cháu Trần Thị Thùy Tr1 và cháu Trần Sơn Kh .

Đối với bị đơn anh Trần Sơn H : Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh H không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh H cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh H và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 26/8/2024, bị đơn H vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Sơn Thị Hồng Th khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Trần Sơn H và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, cấp dưỡng cho con. Yêu cầu của chị Th được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Sơn H đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, Giấy khai sinh của cháu Trần Thị Thùy Tr , cháu Trần Thị Thùy Tr1 và cháu Trần Sơn Kh cũng như việc không phản đối của anh H ; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Th về việc kết hôn với anh H được Ủy ban nhân dân xã V , thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2011 và vợ chồng đã có 03 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị Th và anh H đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị Th và anh H không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị Thú và anh H đã vi phạm nghiêm trọng

quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh H .

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án hai cháu Trần Thị Thùy Tr1 và cháu Trần Sơn Kh đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng muốn sống với mẹ và hiện đang sống với mẹ, như vậy chị Th đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc khác, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Trần Thị Thùy Tr1 (nữ) sinh ngày 15/7/2011 và cháu Trần Sơn Kh (nam) sinh ngày 24/12/2014 cho đến khi cháu Tr1 và cháu Kh thành niên, lao động được theo nguyện vọng của hai con.

Riêng cháu Trần Thị Thùy Tr (nữ) sinh ngày 23/01/2006 đã thành niên, lao động được tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu nên không Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha, mẹ đồng thời là để tạo điều kiện cho chị Th nuôi dưỡng hai con được tốt hơn, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, việc chị Th yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi người con là có cơ sở chấp nhận và cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Thùy Tr1 và cháu Trần Sơn Kh mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi người con, cho đến khi cháu Trần Thị Thùy Tr1 và cháu Trần Sơn Kh đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Sơn Thị Hồng Th phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Sơn H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Sơn Thị Hồng Th được ly hôn với anh Trần Sơn H .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Sơn Thị Hồng Th được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Trần Thị Thùy Tr1 (nữ) sinh ngày 15/7/2011 và cháu Trần Sơn Kh (nam) sinh ngày 24/12/2014 cho đến khi cháu Tr1 và cháu Kh thành niên, lao động được theo nguyện vọng của hai con.

Trong thời gian chị Th nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Riêng cháu Trần Thị Thùy Tr (nữ) sinh ngày 23/01/2006 đã thành niên, lao động được tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu nên không Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Sơn H phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Thùy Tr1 (nữ) sinh ngày 15/7/2011 và cháu Trần Sơn Kh (nam) sinh ngày 24/12/2014 mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi người

con, cấp dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Thùy Tr1 và cháu Trần Sơn Kh đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng lần đầu là ngày 16/9/2024, việc cấp dưỡng của anh Hùng được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Vì quyền lợi về mọi mặt của hai cháu Trần Thị Thùy Tr1 và cháu Trần Sơn Kh, chị Th có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh H có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Sơn Thị Hồng Th phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004863 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Sơn H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Chị Sơn Thị Hồng Th và anh Trần Sơn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND V,
TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU